

Bản án số: 45/2025/HS-PT

Ngày: 07/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

- Người tiến hành tố tụng khác tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Thanh P - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 07/5/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (điểm cầu trung tâm) và tại Trại tạm giam Công an tỉnh S (điểm cầu thành phần) xét xử phúc thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 32/2025/TLPT-HS ngày 05 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo Thạch Vũ P1, Dương Nhựt A, Huỳnh Gia Q, Lê Hoàng P2, Huỳnh Văn T do có kháng cáo của các bị cáo Thạch Vũ P1, Dương Nhựt A, Huỳnh Gia Q, Huỳnh Văn T và người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng P2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 24/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Thạch Vũ P1;** Sinh ngày 14 tháng 01 năm 2005; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số A, đường Q, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Khmer; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thạch T1 và bà Trần Thị T2; Chưa có vợ, con; Tiền án: 01; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/6/2024 cho đến nay. (có mặt tại điểm cầu thành phần)

2. **Dương Nhựt A;** Sinh ngày 14 tháng 4 năm 2004; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số E, đường P, Khóm C, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Huỳnh T3 và bà

Nguyễn Thị T4; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/8/2024 cho đến nay. (có mặt tại điểm cầu thành phần)

3. **Huỳnh Gia Q**; Sinh ngày 29 tháng 11 năm 2007; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số A, đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Trung T5 và bà Dương Thị L; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/6/2024 đến ngày 20/8/2024; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/8/2024 đến ngày 06/12/2024, sau đó thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ kể ngày 06/12/2024 cho đến nay. (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Huỳnh Gia Q: Bà Dương Thị L; Sinh năm 1979; Nơi cư trú: Số A, đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

4. **Hà Văn T6**; Sinh ngày 28 tháng 8 năm 2006; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số F, đường T, Khóm H, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Mộc Q1 và bà Phan Thị Dung T7; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/6/2024 cho đến nay. (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

5. *Bị cáo có liên quan đến kháng cáo: Lê Hoàng P2*; Sinh ngày 24 tháng 7 năm 2007; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số C, đường T, Khóm H, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi ở hiện nay: Số B, đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh Y và bà Lương Ngọc C; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/6/2024 cho đến nay. (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng P2 có kháng cáo: Bà Lương Ngọc C; Sinh năm 1985; Nơi cư trú: Số B, đường T, Khóm H, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng P2 và bị cáo Huỳnh Gia Q:

1. Bà **Sơn Thị P3** - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh S; Địa chỉ Trung tâm: Số A, đường H, Khóm F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

2. Bà **Trần Yến N** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh S; Địa chỉ Trung tâm: Số A, đường H, Khóm F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt tại điểm cầu trung tâm)

Đại diện chính quyền địa phương nơi bị cáo Lê Hoàng P2 cư trú: Đại diện Ủy ban nhân dân Phường C3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

*Đại diện chính quyền địa phương nơi bị cáo Huỳnh Gia Q cư trú: **Đại diện Ủy ban nhân dân Phường F**, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)*

- Bị cáo không có kháng cáo nhưng có liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử không triệu tập gồm:

1. **Trần Thanh P4**; Sinh ngày 11 tháng 02 năm 2007; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số B, đường L, Khóm B, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh S và bà Trần Ngọc S1; Chưa có vợ, con; Tiền án: 02; Tiền sự: Không. Bị cáo đang chấp hành án trong vụ án khác.

2. **Nguyễn Thanh T8**; Sinh ngày 21 tháng 7 năm 2007; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số E, đường M, Khóm B, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Nhà T, đường M, Khóm D, Phường I (nay là Phường A), thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 02/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Phước T9 và bà Thạch Thị Thanh T10; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17 tháng 6 năm 2024 cho đến nay.

3. **Trần Bảo K**; Sinh ngày 08 tháng 4 năm 2008; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số D, đường N, Khóm E, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Học sinh; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh V và bà Trần Thị Thu T11; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 6 năm 2024 cho đến nay.

4. **Mã Hoàng Q2**, tên gọi khác: Bo; sinh ngày 05 tháng 12 năm 2006; tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số B, đường C, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Số A, đường C, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mã Ngọc L1 và bà Nguyễn Thị Bích P5; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 6 năm 2024 cho đến nay.

5. **Võ Gia Đ**; Sinh ngày 11 tháng 02 năm 2008; Nơi sinh: Phường G, thành phố S; Nơi thường trú: LK 19 – 38, đường D, KDC M, Khóm A, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi ở hiện tại khai tại phiên toà: Khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Thanh S2 và bà Tiết Ánh N1; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02 tháng 7 năm 2024 cho đến nay.

6. **Phan Văn Minh N2**; Sinh ngày 24 tháng 11 năm 2007; Nơi sinh: Thành

phố Cần Thơ; Nơi thường trú: Số B Tổ H, Khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ; Nơi ở hiện tại: Số E, đường P, Khóm C, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Hà Lê V1 và bà Phạm Thị Trâm A1; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16 tháng 7 năm 2024 cho đến nay.

7. **Nguyễn Chí B**; Sinh ngày 19 tháng 4 năm 2007; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số F, đường V (Quốc lộ A cũ), Khóm D, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Chí B1 và bà Lý Phương T12; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11 tháng 7 năm 2024 cho đến nay.

8. **Sơn Bảo K1**; Sinh ngày 15 tháng 3 năm 2007; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số A, đường X, Khóm E, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Khmer; Trình độ học vấn: 5/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sơn N3 và bà Tô Thị Phương L2; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09 tháng 7 năm 2024 cho đến nay.

9. **Huỳnh Hữu B2**; Sinh ngày 24 tháng 9 năm 2006; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 7/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn T13 và bà Trần Thị T14; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29 tháng 8 năm 2024 cho đến nay.

10. **Lưu Chấn B3**; Sinh ngày 29 tháng 8 năm 2006; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số A, đường P, Khóm D, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Hoa; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Vĩnh L3 và bà Trần Huỳnh C1; Chưa có vợ, con; Tiền án: 01; Tiền sự: Không. Bị cáo đang chấp hành án trong vụ án khác.

11. **Nguyễn Ngọc Đan T15**; Sinh ngày 28 tháng 11 năm 2006; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số A, đường K, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi ở hiện tại: Hẻm H, đường T, Khóm A, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh T16 và bà Trần Thị Kim H; Chưa có chồng, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29 tháng 8 năm 2024 cho đến nay.

12. **Nguyễn Đức T17**; Sinh ngày 15 tháng 3 năm 2007; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số C, đường L, Khóm E, Phường I (nay là Phường A), thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Trình độ

học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức T18 và bà Thạch Thị N4; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07 tháng 10 năm 2024 cho đến nay.

13. Lưu Minh T19; Sinh ngày 04 tháng 6 năm 2008; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Nơi ở hiện tại: Số I, đường V, Khóm I, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn L4 và bà Đặng Ngọc H1; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29 tháng 8 năm 2024 cho đến nay.

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Các bị cáo Nguyễn Quốc L5, Sơn Kim L6, Liêu Bảo T20, Trần Q3, Mạch Văn Q4, Trần Văn T21, Phương Văn T22, Nguyễn Hoàng B4, Lý Minh T23, Phạm Văn L7, Phạm Phi P6, Lê Thanh Đ1, Trần Thanh H2, Hồ Minh T24, Nguyễn Ngọc V2, Nguyễn Hoài T25, Tiêu Văn T26, Nguyễn Thành L8, Thạch Văn N5, Phạm Thành Đ2, Lê Hoàng P7, Mai Trọng H3; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Đăng K2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 15/5/2024, Thạch Vũ P1 cùng với em ruột là Thạch Anh L9 đi làm thuê và đậu xe mô tô phía trước nhà Sơn Kim L6, khi đó P1 và L9 có đùa giỡn với nhau, L6 cho rằng P1 nhìn đều nên có lời qua tiếng lại. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, L6 cùng với Vũ H4 và một số người khác uống nước ở quán trên đường T, P1 thấy H4 nên có ghé vào, khi đó L6 nói với P1 “mày về dạy lại em mày, nhìn như vậy, mai mốt gặp mặt khó coi”, P1 không nói gì mà bỏ đi. Nghĩ rằng L6 nói như vậy là làm quē P1 trước mặt nhiều người nên P1 nhắn tin hẹn L6 ra chém nhau. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, P1 tiếp tục nhắn tin và chạy xe đến trước nhà L6 nẹt pô xe thách thức, khi L6 đi ra thì P1 chạy xe bỏ đi.

Khoảng 21 giờ ngày 16/5/2024 trên đường đi uống cà phê về thấy P1 đang ở quán C4 tại số H, đường T, khóm A, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cùng với Danh Kim L10 và hai người bạn nữ, L6 chạy về nhà rủ Lý Minh T23 cầm dao đến rượt chém P1, lúc đến quán thì P1 đang đứng nói chuyện với Quách Hà N6 và Nguyễn Thành L8, L6 và T23 cầm dao xông vào quán cả nhóm bỏ chạy, L6 cầm dao rượt chém P1 thì P1 dùng bàn đỡ lại nên không trúng. Lúc này trong quán còn có nhiều người khác, sau đó L6 và T23 bỏ đi.

Khoảng 30 phút sau, Nam điện thoại (M) cho L6 hỏi tại sao chém N6, L6 nói chỉ muốn chém P1 và muốn giải hòa với N6 nhưng N6 không chịu và muốn hẹn L6 ra chém nhau, N6 kể lại cho bạn bè, trong đó có Hồ Minh T24 biết sự việc. Sau đó, N6 và T24 sử dụng tài khoản Facebook “Minh T24” liên tục điện thoại

và nhắn tin M với L6 hẹn tối cùng ngày qua đường Đ để chém nhau nhưng L6 không ra. Qua ngày 17/5/2024 N6 cùng T24 và L6 tiếp tục thách thức chém nhau, đồng thời thông báo, rủ rê bạn bè đến giúp đỡ, trong đó N6 rủ Mạch Văn Q4, Thạch Vũ P1, Tiêu Văn T26, Nguyễn Thành L8, Nguyễn Ngọc V2, Phạm Thành Đ2, Mã Hoàng Q2; Hoàng Q2 rủ Thạch Văn N5; N5 rủ Lê Hoàng P7; P1 rủ Danh Kim L10 và Hoàng Văn T27; Văn T26 rủ Nguyễn Hoài T25 cùng với Dương Hồng G và Nguyễn Quốc H5; V2 rủ Thạch B5, Trần Phi L11, Phan Văn Minh N2 đi cùng để đi chém nhau với nhóm của L6.

Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, nhóm của N6 tập trung ở đầu hẻm A, đường C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng gồm có N6, P1, L11, V2, Văn T26, N2, G, L11, T25, T26, P7, N5, Q2, T27, Hoàng Q2, Đ2 và L11 mỗi người cầm 01 dao tự chế (loại mã tấu, phóng lợn, dao chành guồng), B5 cầm 01 cây chĩa, H5 đem theo 01 cây súng (không phải là vũ khí quân dụng), cả nhóm di chuyển bằng xe mô tô đến điểm hẹn tại đường Đ. Tuy nhiên, sau đó N6 và T26 hẹn L6 đi qua đường P để chém nhau.

Đối với L6 thì sau khi hẹn chém nhau với nhóm của N6, thì L6 rủ Liêu Bảo T20, Phạm Phi P6, Trần Q3, Lý Minh T23, Phạm Tuấn A2, Lê Thanh Đ1 (Bé Đ1), L6 kêu Trần Q3, Liêu Bảo T20 chuẩn bị dao để đi chém nhau và lập nhóm M để liên lạc, thông báo, thời gian địa điểm. Sau đó Liêu Bảo T20 rủ Trần Văn V3, Nguyễn Chí B, Nguyễn Quốc L5, Nguyễn Hoàng B4, Trần Thanh P4, Sơn Bảo K1, Trần Bảo K, Huỳnh Gia Q, Lê Hoàng P2; Nguyễn Hoàng B4 rủ Nguyễn Thanh T8, Lưu Nhật H6, Nguyễn Thành P8; Nguyễn Thanh T8 rủ Hà Văn T6, Trần Văn T21, Trần Văn V3; Trần Q3 rủ Trần Thanh H2, Hoàng B4; Trần Thành P9 rủ Huỳnh Huy H7, Tạ Tấn Đ3; Phạm Tuấn A2 rủ Lưu Minh T19; T rủ Trần Đăng K2; Đăng Khoa rủ Võ Gia Đ; Trần Văn V3 rủ Phạm Văn V4; Tạ Chiêu K3, Ngô Khánh G1, Lý Minh T28, Bùi Hoàng S3 khi đang đi chơi chung với Trần Văn T21 biết là hẹn đi chém nhau nên tự ý đi theo. Nhóm của L6 tập trung tại khu vực cổng X (thuộc phường G, thành phố S) lấy hung khí gồm: L6, L5, B4, Trần Văn T21, Đ1, P6, Minh T23, T, T, Hoàng P2, Chí B, Bảo K1, Phạm Văn L7, Đ, K, Văn V4, Tuấn A2, Nhật H6, C, Huy H7, Tấn Đ3, Thanh H2, Hoàng K6 mỗi người cầm 01 cây dao tự chế (loại mã tấu, phóng lợn, chành guồng), còn Hoàng S3, G, Văn T6, Bảo K, G, Minh T19, Minh T28, Văn V4, Trần Q3 điều khiển chạy xe, xuất phát từ cổng X đi qua đường D, qua đường N, qua đường V, đến đường Đ. Do không gặp nhóm của Quách Hà N6 và hẹn nhau qua đường P, nên nhóm người của L6 chạy qua đường Phan Văn C2 (lúc này là khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày) thì gặp nhóm của N6 đang cầm hung khí đi ngược lại.

Khi nhóm người của N6 gặp nhóm người của L6, thì cả hai nhóm cầm hung khí, la hét, dùng đất, đá ném qua lại, Quốc H5 bên nhóm N6 dùng súng bắn về hướng nhóm người của L6 và cùng cầm hung khí chạy về phía nhóm người của L6. Lúc này nhóm người của L6 cũng cầm hung khí chạy về phía nhóm người của N6, trong đó Bảo T20 dùng súng bắn về nhóm người của N6. Do thấy nhóm L6 đông hơn nên nhóm người của N6 bỏ chạy ngược lại và chạy vào vườn nhà người dân gần đó, trong lúc bỏ chạy Trần Phi L11 cầm dao tự chế chém trúng vào tay phải của Minh N2 gây thương tích (do lầm tưởng người bên nhóm bên L6 rượt

đuổi đến). Rượt đuổi một đoạn nhóm của L6 quay lại lên xe đi về. Còn Minh N2 được người dân và lực lượng Công an phường đến hiện trường và đưa đi cấp cứu.

Sau khi vụ án xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố S tiến hành khám nghiệm hiện trường, và tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh, triệu tập các đối tượng lên cơ quan Công an lấy lời khai.

Trong quá trình, được triệu tập mời lên làm việc, cho về thì Trần Thanh P4 và Ngô Khánh G1 (trong vụ án ở đường P là cùng nhóm với nhau) có mâu thuẫn với nhau từ việc tương tác trên mạng xã hội, nên cả hai tập hợp, rủ rê những đối tượng khác hện chém nhau giải quyết mâu thuẫn, hẹn địa điểm tại ngã tư đường B và đường C thuộc ấp H, thị trấn M, huyện M.

Đối với G1 đã rủ Trần Văn T21, Phạm Tuấn A2, Trương Quách Tấn T29, Nguyễn Gia Huy M1, Quách Thành T30; Trần Văn T21 rủ Trần Tấn P10, Lưu Chấn B3, Huỳnh Hữu B2, Đặng Trí D, Tạ Tấn Đ3; Tạ Tấn Đ3 rủ Phương Văn T22; Phương Văn T22 rủ Mai Trọng H3 và Dương Nhật A; Phạm Tuấn A2 rủ Nguyễn Đức T17; Trần Tấn P10 rủ Lưu Minh T19; Lưu Minh T19 rủ Trần Văn V3; Trần Văn V3 rủ Phạm Văn V4. Sau đó chuẩn bị và cầm theo hung khí gồm: G1, Trần Văn T21, Lưu Minh T19, Huỳnh Hữu B2, Phạm Tuấn A2, Trần Văn V3, Mã Quách Thành T30 mỗi người cầm 01 cây dao (loại mã tấu, phóng lộn), còn Đặng Trí D cầm búa, Nguyễn Gia H8 cầm lưỡi lê.

Đối với Thanh P4 đã rủ Nguyễn Hoàng B4, Nguyễn Trần Trí T31, Lưu Nhật H6, Trần Đăng K2 (Trần Khải A3), Võ Minh K4, Lâm Tuấn K5; còn Nguyễn Ngọc Đan T15 là bạn của Nguyễn Hoàng B4 nên đi chung với Nguyễn Hoàng B4, trong đó Thanh P4 và B4 cầm theo mỗi người 01 cây dao.

Đến khoảng 00 giờ 45 phút ngày 09/6/2024 hai nhóm gặp nhau tại điểm hẹn. Do nhóm của Thanh P4 ít người và ít hung khí hơn nên Trần Văn T21 trao đổi với Thanh P4 là để Thanh P4 và G1 chém tay đôi với nhau thì P4 và G1 đồng ý. Trước khi chém nhau thì Thanh P4 và G1 vén áo lên để kiểm tra bên trong có mặc áo giáp hay không, đồng thời thống nhất khi người nào chém không lại thì đưa tay xin thua, cả hai cầm loại dao tự chế, khi cả hai đã chuẩn bị xong, thì Trần Văn T21 thực hiện động tác ra hiệu đếm 1, 2, 3, khi T21 đếm xong thì Thanh P4 và G1 cầm dao lao vào chém nhau, những người đứng bên ngoài thì la hét, cổ vũ. Quá trình chém nhau, Thanh P4 chém trúng vào tay của G1 nên G1 đưa tay ra hiệu xin thua, Thanh P4 hỏi bên nhóm của Giàu có ai ra chém tiếp không nhưng không có ai trả lời. Sau đó hai nhóm lên xe đi về, G1 được Trần Văn T21 và đồng bọn đưa đi cấp cứu tại bệnh viện. Sau khi xuất viện, G1 và Thanh P4 tiếp tục hẹn để chém nhau, đến ngày 22/6/2024 cả hai nhóm tiếp tục hẹn để chém nhau thì bị lực lượng Công an thành phố S và Phòng Hình sự Công an tỉnh S phát hiện, nên mời các đối tượng lên để làm việc, ngăn chặn.

Kết luận giám định số 235 ngày 20/5/2024 của Trung tâm pháp y - Sở y tế thành phố C kết luận về thương tích của Phan Văn Minh N2: Gãy xương cánh tay phải, đứt thần kinh quay bên phải, tổng tỷ lệ là 41% (bốn mươi một phần trăm); thương tích phù hợp với cơ chế do vật sắc gây nên.

Kết luận giám định số 3609/KL-KTHS ngày 01/7/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự, Bộ C5 tại TP . (giám định mẫu xương có dính chất dịch màu đỏ thu tại hiện trường với bộ quần áo có dính chất dịch màu đỏ do Nguyễn Ngọc V2 giao nộp và mẫu tóc của Phan Văn Minh N2) kết luận: Mẫu xương nêu trên là xương người, phân tích được kiểu gen nam giới từ mẫu xương này trùng với kiểu gen của Phan Văn Minh N2; Trên quần và áo có dính máu người, phân tích được cùng một kiểu gen nam giới từ các mẫu máu này và trùng với kiểu gen của Phan Văn Minh N2.

Kết luận giám định số 3614/KL-KTHS ngày 04/7/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự, Bộ C5 tại TP . kết luận: “04 vỏ đạn gửi giám định là vỏ đạn đã bắn của loại đạn cao su cỡ (9x22)mm thuộc nhóm công cụ hỗ trợ, không phải vỏ đạn quân dụng. Loại đạn này sử dụng được cho các loại súng công cụ hỗ trợ có cỡ 9mm như: ZORAKI 914, RÖHM RG88, Horhe,...; không sử dụng để bắn được cho súng quân dụng. Khi bắn loại đạn công cụ hỗ trợ cỡ (9x22)mm không gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất tương tự như đạn quân dụng. 04 (bốn) vỏ đạn gửi giám định được sản xuất công nghiệp theo tiêu chuẩn đạn cao su cỡ (9x22)mm. 04 (bốn) vỏ đạn đã bắn gửi giám định là do 02 khẩu súng bắn ra”.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 410 ngày 23/8/2024 của Trung tâm P11, Sở Y tế tỉnh S kết luận thương tích của Ngô Khánh G1: có tỷ lệ 08%, tổn thương không nằm ở vùng nguy hiểm đến tính mạng, tổn thương có đặc điểm do vật có cạnh sắc gây nên.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 24/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và điểm b, e khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quốc L5.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 58 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Sơn Kim L6.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T21.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn L7.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hoàng B4.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Thạch Vũ P1.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 58 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Liêu Bảo T20.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Minh T23.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hoài T25.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thanh P4.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lưu Chấn B3.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lưu Minh T19.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Q3, Mạch Văn Q4, Phương Văn T22, Phạm Phi P6, Lê Thanh Đ1, Trần Thanh H2, Hồ Minh T24, Nguyễn Ngọc V2, Tiêu Văn T26, Nguyễn Thành L8, Thạch Văn N5, Phạm Thành Đ2, Dương Nhựt A, Lê Hoàng P7, Mai Trọng Hữu .

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Huỳnh Gia Q, Lê Hoàng P2, Sơn Bảo K1, Võ Gia Đ, Hà Văn T6, Mã Hoàng Q2, Phan Văn Minh N2, Huỳnh Hữu B2, Nguyễn Chí B, Nguyễn Thanh T8,

Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đối với các bị cáo Trần Bảo K, Nguyễn Ngọc Đan T15 và Nguyễn Đức T17.

Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Quốc L5, Sơn Kim L6, Liêu Bảo T20, Nguyễn Thanh T8, Trần Thanh P4, Trần Q3, Lê Hoàng P2, Mạch Văn Q4, Trần Văn T21, Phương Văn T22, Nguyễn Hoàng B4, Lý Minh T23, Phạm Văn L7, Phạm Phi P6, Lê Thanh Đ1, Trần Thanh H2, Huỳnh Gia Q, Sơn Bảo K1, Nguyễn Chí B, Võ Gia Đ, Trần Bảo K, Hà Văn T6, Thạch Vũ P1, Hồ Minh T24, Nguyễn Ngọc V2, Nguyễn Hoài T25, Tiêu Văn T26, Nguyễn Thành L8, Thạch Văn N5, Phạm Thành Đ2, Lê Hoàng P7, Mã Hoàng Q2, Phan Văn Minh N2, Mai Trọng H3, Dương Nhựt A, Lưu Chấn B3, Lưu Minh T19, Nguyễn Ngọc Đan T15, Huỳnh Hữu B2, Nguyễn Đức T17 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Xử phạt bị cáo Sơn Kim L6 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2024.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L5 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 17 tháng 6 năm 2024.

3. Xử phạt bị cáo Trần Văn T21 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 116/2024/HS-ST, ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 17 tháng 6 năm 2024.

4. Xử phạt bị cáo Thạch Vũ P1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 17 tháng 6 năm 2024.

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng B4 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 70/2024/HS-ST, ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 17 tháng 6 năm 2024.

6. Xử phạt bị cáo Phạm Văn L7 04 (bốn) năm tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 21 tháng 10 năm 2024.

7. Xử phạt bị cáo Lý Minh T23 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 03 tháng 7 năm 2024.

8. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T25 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 26 tháng 6 năm 2024.

9. Xử phạt bị cáo Liêu Bảo T20 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2024.

10. Xử phạt bị cáo Trần Thanh P4 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 70/2024/HS-ST, ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 13 tháng 8 năm 2024.

11. Xử phạt bị cáo Phạm Phi P6 02 (hai) năm tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2024.

12. Xử phạt bị cáo Lê Thanh Đ1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2024.

13. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 17 tháng 6 năm 2024.

14. Xử phạt bị cáo Lưu Minh T19 03 (ba) năm tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

15. Xử phạt bị cáo Mạch Văn Q4 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2024.

16. Xử phạt bị cáo Tiêu Văn T26 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 17 tháng 6 năm 2024.

17. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L8 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 17 tháng 6 năm 2024.

18. Xử phạt bị cáo Thạch Văn N5 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 26 tháng 6 năm 2024.

19. Xử phạt bị cáo Phạm Thành Đ2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2024.

20. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng P7 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 02 tháng 9 năm 2024.

21. Xử phạt bị cáo Trần Thanh H2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 14 tháng 8 năm 2024.

22. Xử phạt bị cáo Hồ Minh T24 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 26 tháng 6 năm 2024.

23. Xử phạt bị cáo Trần Q3 02 (hai) năm tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 14 tháng 8 năm 2024.

24. Xử phạt bị cáo Phương Văn T22 02 (hai) năm tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 30 tháng 8 năm 2024.

25. Xử phạt bị cáo Mai Trọng H3 02 (hai) năm tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 30 tháng 8 năm 2024.

26. Xử phạt bị cáo Dương Nhựt A 02 (hai) năm tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 30 tháng 8 năm 2024.

27. Xử phạt bị cáo Lưu Chấn B3 02 (hai) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 05 năm 03 tháng tù về tội “Cướp tài sản” tại Bản án số 763/2024/HS-PT, ngày 28/8/2024 của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 01/11/2024, nhưng được khấu trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 01/5/2023 đến ngày 17/9/2023.

28. Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu B2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

29. Xử phạt bị cáo Phan Văn Minh N2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

30. Xử phạt bị cáo Mã Hoàng Q2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

31. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T8 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

32. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng P2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

33. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

34. Xử phạt bị cáo Sơn Bảo K1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

35. Xử phạt bị cáo Hà Văn T6 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

36. Xử phạt bị cáo Võ Gia Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

37. Xử phạt bị cáo Huỳnh Gia Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án. Nhưng được khấu trừ vào những ngày bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 21 tháng 8 năm 2024 đến ngày 06 tháng 12 năm 2024.

38. Xử phạt bị cáo Trần Bảo K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 năm, kể từ ngày 24/01/2025.

39. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T17 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 năm, kể từ ngày 24/01/2025.

40. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đan T15 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 năm, kể từ ngày 24/01/2025.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về tránh nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 01/02/2025, bị cáo Dương Nhựt A kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

* Trong cùng ngày 05/02/2025, bị cáo Thạch Vũ P1 kháng cáo xin giảm hình phạt; bị cáo Huỳnh Gia Q kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

* Trong cùng ngày 06/02/2025, bị cáo Hà Văn T6 kháng cáo xin hưởng án treo; Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng P2 là bà Lương Ngọc C kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo P2 và xin cho bị cáo được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo P2 giữ nguyên kháng cáo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Thạch Vũ P1, Dương Nhựt A. Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Hà Văn T6, Huỳnh Gia Q và người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng P2.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng bổ sung khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với các bị cáo Hà Văn T6, Huỳnh Gia Q và Lê Hoàng P2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hà Văn T6, Huỳnh Gia Q và người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng P2 giảm cho các bị cáo từ 04 - 08 tháng tù.

Đối với các bị cáo Trần Thanh P4, Nguyễn Thanh T8, Trần Bảo K, Mã Hoàng Q2, Võ Gia Đ, Phan Văn Minh N2, Nguyễn Chí B, Sơn Bảo K1, Huỳnh Hữu B2, Lưu Chấn B3, Nguyễn Ngọc Đan T15, Nguyễn Đức T17: Không có kháng cáo nhưng khi phạm tội các bị cáo là người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng bổ sung khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với các bị cáo và căn cứ Điều 345, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) giảm cho các bị cáo nói trên từ 04 - 08 tháng tù.

Đối với bị cáo Lưu Minh T19 không có kháng cáo nhưng khi phạm tội các bị cáo là người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 119; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Lưu Minh T19 và căn cứ Điều 345, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) giảm cho bị cáo T19 từ 12 - 15 tháng tù.

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Gia Q, bị cáo Lê Hoàng P2 trình bày: Thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Huỳnh Gia Q, Lê Hoàng P2. Ngoài ra, các bị cáo Huỳnh Gia Q, Lê Hoàng P2 có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Huỳnh Gia Q và của người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng P2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của các bị cáo Thạch Vũ P1, Dương Nhựt A, Huỳnh Gia Q, Hà Văn T6 và người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng P2 lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm lần lượt vào các ngày 01, 05 và 06/02/2025 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Thạch Vũ P1, Dương Nhựt A, Huỳnh Gia Q, Hà Văn T6 và người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng P2 theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận: Giữa bị cáo Thạch Vũ P1 và Sơn Kim L6 có phát sinh mâu thuẫn với nhau, nên vào khoảng 21 giờ ngày 16/5/2024 tại quán C4, địa chỉ: số H, đường T, khóm A, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, Sơn Kim L6 và Lý Minh T23 cầm dao rượt đuổi chém Thạch Vũ P1 nhưng không chém được. Thạch Vũ P1 kể việc phát sinh mâu thuẫn cho Quách Hà N6 nghe và N6 nói lại cho Hồ Minh T24 biết. Sau đó N6 và T24 điện thoại và nhắn tin cho Sơn Kim L6 hẹn tới chém nhau tại đường Đ nhưng bị cáo L6 không ra. Sau đó Sơn Kim L6 và Quách Hà N6 hẹn để chém nhau giải quyết mâu thuẫn, nên vào khoảng 23 giờ 40 phút ngày 17/5/2024 tại đường P, Phường I (nay là Phường A) thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, nhóm của Thạch Vũ P1 gồm có: Quách Hà N6, Thạch Vũ P1, Nguyễn Thành L8, Nguyễn Ngọc V2, Tiêu Văn T26, Phan Văn Minh N2, Dương Hồng G, Trần Phi L11, Nguyễn Hoài T25, Nguyễn Quốc H5, Hồ Minh T24, Lê Hoàng P7, Thạch Văn N5, Mã Hoàng Q2, Thạch B5, Hoàng Văn T27, Mạch Văn Q4, Phạm Thành Đ2, Danh Kim L10; nhóm của Sơn Kim L6 gồm có: Nguyễn Quốc L5, Nguyễn Hoàng B4, Trần Văn T21, Sơn Kim L6, Liêu Bảo T20, Lê Thanh Đ1, Phạm Phi P6, Lý Minh T23, Trần Thanh P4, Nguyễn Thanh T8, Lê Hoàng P2, Huỳnh Gia Q, Hà Văn T6, Trần Bảo K, Võ Gia Đ, Nguyễn Chí B, Sơn Bảo K1, Phạm Văn L7, Trần Đăng K2, Ngô Khánh G1, Nguyễn Thành P8, Trần Văn V3, Phạm Tuấn A2, Lưu Nhựt H6, Lưu Minh T19, Lý Minh T28, Phạm Văn V4, Tạ Chiêu K3, Huỳnh Huy H7, Tạ Tuấn Đ4, Đặng Trí D, Trần Q3, Trần Thanh H2, Lưu Tấn Đ5, Trần Hoàng K6. Khi hai nhóm gặp nhau ở đường P, Phường I (nay là Phường A) thành phố S thì cả hai nhóm sử dụng hung khí (dao tự chế, phóng lộn, tầm guồng) tham gia chém nhau; dùng đất, đá ném qua lại với nhau làm mất trật tự công cộng và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương; trong lúc hai nhóm rượt đuổi chém nhau thì Trần Phi L11 dùng dao bằng kim loại chém trúng tay phải của Phan Văn Minh N2 gây thương tích, với tỷ lệ tổn thương 41%.

Ngoài ra, vào khoảng 00 giờ 45 phút ngày 09/6/2024 tại ngã tư đường B - đường C thuộc ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì nhóm của Ngô

Khánh G1 gồm có: Ngô Khánh G1, Trần Văn T21, Mai Trọng H3, Dương Nhựt A, Phương Văn T22, Trần Tấn P10, Nguyễn Đức T17, Lưu Chấn B3, Lưu Minh T19, Huỳnh Hữu B2, Phạm Tuấn A2, Trần Văn V3, Phạm Văn V4, Đặng Trí D, Tạ Tấn Đ3, Mã Quách Thành T30, Trương Quách Tấn T29, Nguyễn Gia H8 chém nhau với nhóm của Trần Thanh P4 gồm có: Trần Thanh P4, Nguyễn Hoàng B4, Nguyễn Ngọc Đan T15, Lưu Nhựt H6, Trần Đăng K2 (Trần Khải A3), Nguyễn Trần Trí T31, Võ Minh K4, Lâm Tuấn K5 mang theo dao bằng kim loại. Khi hai nhóm gặp nhau thì chỉ có Trần Thanh P4 và Ngô Khánh G1 dùng dao chém nhau, những người còn lại tập trung la hét, hô hào đề cổ vũ cho Ngô Khánh G1 và Trần Thanh P4 chém nhau; Trần Thanh P4 chém trúng tay của Ngô Khánh G1, gây thương tích với tỷ lệ tổn thương 08%; điều này cũng đã gây mất trật tự công cộng và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo phạm tội “gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Thạch Vũ P1, về việc xin giảm hình phạt: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải trình độ học vấn thấp là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo cung cấp được tài liệu chứng minh người thân của bị cáo là người có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ này theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo. Tuy nhiên mức hình phạt 04 năm tù mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thạch Vũ P1.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Dương Nhựt A:

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo không có tiền án, tiền sự là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật và mức hình phạt 02 năm tù mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, đặc điểm nhân thân của bị cáo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo: Xét thấy, mặc dù bị cáo Dương Nhựt A bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ

ràng. Tuy nhiên, tình hình tội phạm gây rối trật tự công cộng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng diễn biến khá phức tạp, phải được xử lý nghiêm minh mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm cho nên việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm án và xin hưởng án treo của bị cáo Dương Nhựt A.

[5] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Hà Văn T6: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo không có tiền án, tiền sự, trình độ học vấn thấp là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét mặc dù bị cáo Hà Văn T6 bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, tình hình tội phạm gây rối trật tự công cộng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng diễn biến khá phức tạp, phải được xử lý nghiêm minh mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm cho nên việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo Hà Văn T6 mới 17 tuổi 08 tháng 18 ngày nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên và giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Huỳnh Gia Q:

- Đối với kháng cáo xin giảm hình phạt: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo có người thân có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo Huỳnh Gia Q mới 16 tuổi 05 tháng 17 ngày nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên và chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

- Đối với kháng cáo xin hưởng án treo: Xét thấy, mặc dù bị cáo Huỳnh Gia Q bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, tình hình tội phạm gây rối trật tự công cộng trên địa bàn tỉnh Sóc

Trăng diễn biến khá phức tạp, phải được xử lý nghiêm minh mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm cho nên việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[7] Xét kháng cáo của Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng P2 là bà Lương Ngọc C kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo P2 và xin cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đối với kháng cáo xin giảm hình phạt: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo có người thân có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo Lê Hoàng P2 mới 16 tuổi 09 tháng 22 ngày nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên và chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

- Đối với kháng cáo xin hưởng án treo: Xét thấy, mặc dù bị cáo Lê Hoàng P2 bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, tình hình tội phạm gây rối trật tự công cộng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng diễn biến khá phức tạp, phải được xử lý nghiêm minh mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm cho nên việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[8] Đối với các bị cáo Trần Thanh P4, Nguyễn Thanh T8, Trần Bảo K, Mã Hoàng Q2, Võ Gia Đ, Phan Văn Minh N2, Nguyễn Chí B, Sơn Bảo K1, Huỳnh Hữu B2, Lưu Chấn B3, Nguyễn Ngọc Đan T15, Nguyễn Đức T17: Không có kháng cáo nhưng khi phạm tội các bị cáo là người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với các bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng bổ sung cho các bị cáo và căn cứ Điều 345, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) giảm cho các bị cáo nói trên một phần hình phạt.

[9] Đối với bị cáo Lưu Minh T19 không có kháng cáo nhưng khi phạm tội các bị cáo là người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng khoản 3 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Lưu Minh T19 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xử áp dụng bổ sung cho bị cáo và căn cứ Điều 345, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) giảm cho bị cáo Lưu Minh T19 một phần hình phạt.

[10] Lời đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Lời đề nghị của luật sư bào chữa cho các bị cáo Huỳnh Gia Q, Lê Hoàng P2 là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b, điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Gia Q, Hà Văn T6 và người đại diện theo pháp luật của bị cáo Lê Hoàng P2 được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của các bị cáo Dương Nhựt A và bị cáo Thạch Vũ P1 không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng/bị cáo.

[13] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Nhựt A về việc xin giảm hình phạt và hưởng án treo.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thạch Vũ P1 về việc xin giảm hình phạt.

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Huỳnh Gia Q, Hà Văn T6 và của người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng P2.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Chấp nhận phần kháng cáo của bị cáo Huỳnh Gia Q, của người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoàng P2 về việc xin giảm hình phạt.

Căn cứ Điều 345, khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Sửa phần quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 24/01/2025 Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đối với các bị cáo Huỳnh Gia Q, Lê Hoàng P2, Hà Văn T6, Trần Thanh P4, Nguyễn Thanh T8, Trần Bảo K, Mã Hoàng Q2, Võ Gia Đ, Phan Văn Minh N2, Nguyễn Chí B, Sơn Bảo K1, Huỳnh Hữu B2, Lưu Chấn B3, Nguyễn Ngọc Đan T15, Nguyễn Đức T17, Lưu Tấn M2.

2. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Thạch Vũ P1.

Xử phạt bị cáo Thạch Vũ P1 04 (bốn) năm tù về tội gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 17 tháng 6 năm 2024.

3. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Dương Nhựt A.

Xử phạt bị cáo Dương Nhựt A 02 (hai) năm tù về tội gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 30 tháng 8 năm 2024.

4. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên với bị cáo Huỳnh Gia Q.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Gia Q 10 (mười) tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án. Nhưng được khấu trừ vào những ngày bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 21 tháng 8 năm 2024 đến ngày 06 tháng 12 năm 2024.

5. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Lê Hoàng P2.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng P2 01 (một) năm tù về tội gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

6. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Hà Văn T6.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T6 01 (một) năm tù về tội gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

7. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Trần Thanh P4.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh P4 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 70/2024/HS-ST, ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản

án là 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 13 tháng 8 năm 2024.

8. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 3 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Lưu Minh T19.

Xử phạt bị cáo Lưu Minh T19 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

9. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên bị cáo Sơn Bảo K1.

Xử phạt bị cáo Sơn Bảo K1 01 (một) năm tù về tội gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

10. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Võ Gia Đ.

Xử phạt bị cáo Võ Gia Đ 01 (một) năm tù về tội gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

11. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Mã Hoàng Q2.

Xử phạt bị cáo Mã Hoàng Q2 01 (một) năm tù về tội gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

12. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Phan Văn Minh N2.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Minh N2 01 (một) năm tù về tội gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

13. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Huỳnh Hữu B2.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu B2 01 (một) năm tù về tội gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

14. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Nguyễn Chí B.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí B 01 (một) năm tù về tội gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

15. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Nguyễn Thanh T8.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T8 01 (một) năm tù về tội gây rối trật tự công cộng. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hoặc ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án.

16. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Lưu Chấn B3.

Xử phạt bị cáo Lưu Chấn B3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp với hình phạt 05 năm 03 tháng tù về tội “Cướp tài sản” tại Bản án số 763/2024/HS-PT, ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 01/11/2024, nhưng được khấu trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 01/5/2023 đến ngày 17/9/2023.

17. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đối với bị cáo Trần Bảo K.

Xử phạt bị cáo Trần Bảo K 01 (một) năm tù về tội gây rối trật tự công cộng, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày 24/01/2025.

Giao bị cáo Trần Bảo K cho Ủy ban nhân dân Phường B6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính

quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo K, trong trường hợp bị cáo K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo K cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo K chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo K phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

18. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Đan T15.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đan T15 01 (một) năm tù về tội gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày 24/01/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Đan T15 cho Ủy ban nhân dân Phường A4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T15, trong trường hợp bị cáo T15 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T15 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T15 chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo T15 phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

19. Căn cứ vào Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 101 và điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đối với bị cáo Nguyễn Đức T17.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T17 01 (một) tù về tội gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày 24/01/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T17 cho Ủy ban nhân dân Phường A5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T17, trong trường hợp bị cáo T17 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T17 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T17 chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo T17 phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

20. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b, điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Huỳnh Gia Q, Lê Hoàng P2, Hà Văn T6 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Thạch Vũ P1, Dương Nhựt A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng/bị cáo.

21. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

22. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDDKT1-TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thành phố Sóc Trăng (26);
- VKSND thành phố Sóc Trăng (01);
- CQĐT-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng (01);
- Trại tạm giam-Công an tỉnh Sóc Trăng (08);
- Bị cáo, NBC, NĐDHPBC (20);
- PTTKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hữu

